

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Bà Võ Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Lê Văn T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện H, chi nhánh tỉnh A, theo văn bản ủy quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 (có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Huỳnh Văn Đ đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A,

huyện H vào ngày 27/8/2012. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau, anh Đ thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn và không quan tâm gia đình, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng chị sống ly thân thì chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn anh Đ sinh sống ở nhà chung của vợ chồng tại ấp T, xã H và đi làm thuê.

Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày: 09/8/2011, giới tính: Nữ. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi con, anh Đ không quan tâm đến con chung. Nay chị L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, thông qua Phòng giao dịch huyện H, chi nhánh tỉnh A số tiền 36.000.000 đồng.

5. *Về chi phí nhả tin*: Lệ phí nhả tin trên phương tiện thông tin tại Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công Lý, chị Trần Thị L tự nguyện chịu lệ phí không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày:

Anh thừa nhận có kết hôn với chị L và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng anh có một con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày: 09/8/2011, giới tính: Nữ. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi con chung khi vợ chồng anh sống ly thân.

Nay anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị L, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Kim N và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, thông qua Phòng giao dịch huyện H, chi nhánh tỉnh A số tiền 36.000.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam ông Lê Văn T – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện H, chi nhánh tỉnh A có văn bản trình bày: Anh Huỳnh Văn Đ và chị Trần Thị L có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, thông qua Phòng giao dịch huyện H số tiền 36.000.000 đồng. Nay chị L và anh Đ làm thủ tục ly hôn thì Ngân hàng không khởi kiện và không tham gia tố tụng vì lý do chưa đến hạn trả nợ, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Chị Trần Thị L khởi kiện anh Huỳnh Văn Đ về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L với anh Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được pháp luật công nhận. Nay chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất đồng không thể giải quyết được. Anh Đ thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị L và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay, chị L là người nuôi con chung khi vợ chồng sống ly thân. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa chị L và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại phiên tòa anh Huỳnh Văn Đ cũng đồng ý ly hôn với chị L, do đó yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày: 09/8/2011, giới tính: Nữ, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với đạo đức xã hội, cháu Kim N có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, yêu cầu của chị L là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Do Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chưa yêu cầu khởi kiện nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Huỳnh Văn Đ ở trú tại ấp T, xã H, huyện H, tỉnh A. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh A.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Huỳnh Văn Đ không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định

tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, anh Đ không quan tâm gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L với anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị L và anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh Đ có một con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày: 09/8/2011, giới tính: Nữ. Trong thời gian vợ chồng chị L, anh Đ sống ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kim N, nay chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy: Chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim N đảm bảo tốt về mọi mặt, chị L có thu nhập ổn định từ việc mua bán và cháu Kim N có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kim N là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Do ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chưa yêu cầu khởi kiện nên không đề cập đến.

[5] Về chi phí nhả tin: Lệ phí nhả tin trên phương tiện thông tin tại Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công Lý để tìm anh Đ, chị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm;

Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Huỳnh Văn Đ đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày: 09/8/2011, giới tính: Nữ (cháu N đang sống chung với chị L).

Anh Huỳnh Văn Đ không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Do Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chưa yêu cầu khởi kiện nên không đề cập đến.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008503 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Chị đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Huỳnh Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Chí Dũng